

Diễn biến tích cực

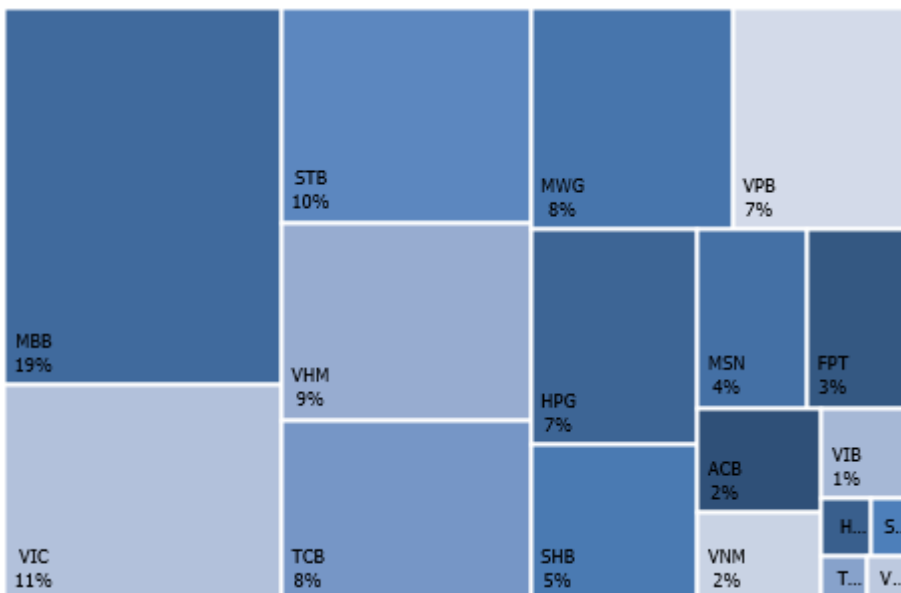
Trong tuần 20, thanh khoản trên thị trường chứng quyền đảo chiều tăng trở lại. Cụ thể, khối lượng và giá trị giao dịch trong tuần ghi nhận ở mức 299.9 triệu chứng quyền/281.4 tỷ đồng, lần lượt tăng 47.2%/43.3% so với tuần liền trước.

Đối với giá trị giao dịch theo tài sản cơ sở, MBB và VIC là những tài sản cơ sở có chứng quyền thu hút phần lớn hoạt động giao dịch với 30% tổng giá trị giao dịch. Xếp sau đó là các chứng quyền của các cổ phiếu như STB, VHM, TCB và MWG.

Đối với các mã chứng quyền có thời gian đáo hạn trên 1 tháng, biến động tăng ghi nhận ở các mã CVPB2501 (+54.9%), CMBB2405 (+40.0%) và CMBB2402 (+27.6%). Ở hướng ngược lại, biến động giảm ghi nhận ở các mã CVRE2503 (-10.5%), CSTB2409 (-1.50%) và CTCB2503 (-1.50%).

Trong tuần vừa qua, hoạt động giao dịch trên thị trường chứng quyền ghi nhận diễn biến sôi nổi khi thanh khoản lẫn số lượng chứng quyền tăng giá đều tăng trong tích cực. Dựa trên kết quả định giá bằng mô hình Black-Scholes, một số mã chứng quyền đang được định giá thấp (undervalued), nổi bật gồm: CVRE2501, CVIC2407, và CSHB2501. Ở hướng ngược lại, các mã như CVIC2509, CVHM2511, và CVHM2506 đang trong trạng thái bị định giá cao (overvalued), theo thống kê trên tổng số 213 mã chứng quyền được định giá.

Hình 1. Giá trị giao dịch của CW theo TSCS



Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 1. Thống kê thị trường

Chứng quyền	219
Khối lượng giao dịch (tr.CQ)	299
Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	281
CW tăng giá	122
CW giảm giá	83
CW tham chiếu	14

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 2. Định giá chứng quyền

Chứng quyền	213
Định giá thấp	8
Định giá cao	205

Nguồn: FiinproX, KIS Research

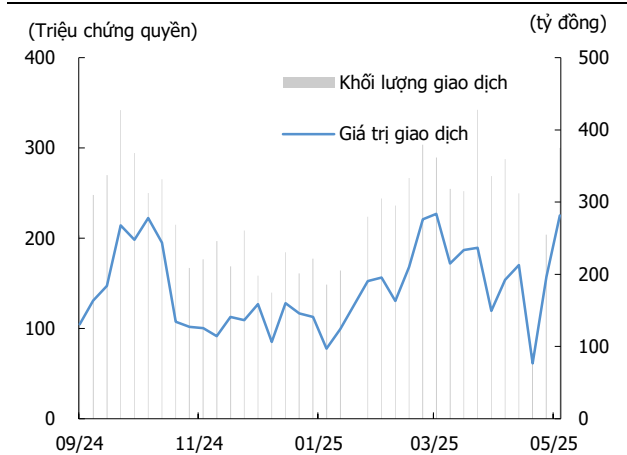
Bảng 3. Top CW định giá thấp

Mã	Giá thị trường	Giá nội tại	Chênh lệch
CVRE2501	2,040	2,187	-147
CVIC2407	6,170	6,236	-66
CSHB2501	1,920	1,979	-59

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Phòng phân tích

Researchdept@kisvn.vn

Hình 2. Khối lượng và giá trị giao dịch CW

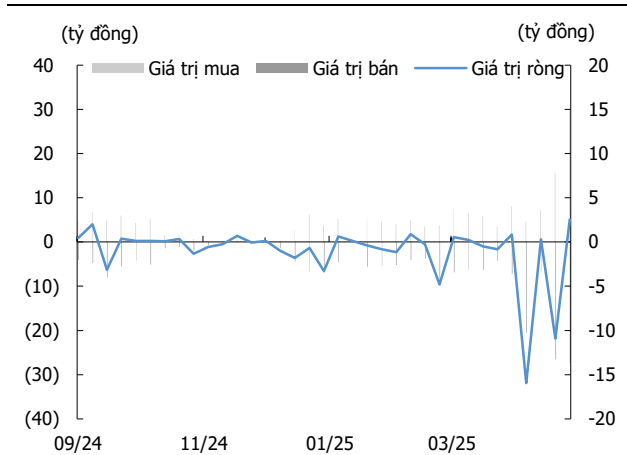
Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 4. Top 10 giá trị giao dịch

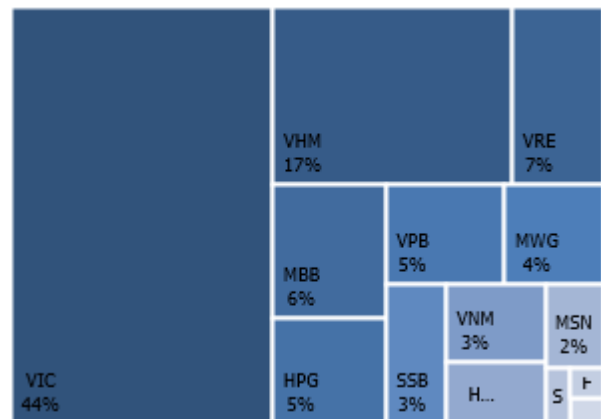
(đồng, % tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngày đáo hạn	Giá	%	Giá trị giao dịch
CMBB2405	24/07/2025	840	40.0	16.9
CMBB2502	22/05/2025	2,210	27.0	9.9
CVRE2503	23/10/2025	3,770	(10.5)	9.7
CMBB2407	31/10/2025	1,940	22.8	9.6
CSTB2409	24/07/2025	1,300	(1.5)	8.3
CVIC2407	26/06/2025	6,170	(1.4)	7.0
CVIC2502	23/10/2025	7,460	1.9	6.9
CMBB2402	19/05/2025	2,500	27.6	6.1
CTCB2503	23/10/2025	2,710	(1.5)	6.0
CVPB2501	23/10/2025	790	54.9	5.7

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Hình 3. Giá trị mua/bán ròng của khối ngoại

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Hình 4. Hoạt động giao dịch nước ngoài theo TSCS

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 5. Top 3 nước ngoài mua ròng

(đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngày đáo hạn	Giá	%	Mua	Bán	Ròng
CVIC2407	26/06/2025	6,170	(1.4)	5.72	(1.07)	4.65
CVHM2509	17/12/2025	2,090	(20.2)	4.41	(0.83)	3.57
CVIC2508	17/12/2025	5,000	1.2	3.61	(0.57)	3.03

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 6. Top 3 nước ngoài bán ròng

(đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngày đáo hạn	Giá	%	Mua	Bán	Ròng
CVHM2508	17/11/2025	2,150	(20.1)	0.11	(3.69)	(3.58)
CMBB2402	19/05/2025	2,500	27.6	0.00	(1.88)	(1.88)
CSHB2503	17/09/2025	1,030	5.1	1.57	(3.20)	(1.63)

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 7. CW và TSCS

(Tỷ đồng, % tuần, Tỷ đồng, Chứng quyền)

TSCS	Tên	Ngành	Vốn hóa	Sở hữu nước ngoài	Số chứng quyền	Vốn hóa CW	Giá trị giao dịch	Khối lượng giao dịch
ACB	Ngân hàng Á Châu	Tài chính	113,676.4	30.0%	8	43,240.0	6.2	17,992,104.0
BCM	Becamex IDC	Bất động sản	63,135.0	2.0%				
BID	BIDV	Tài chính	256,981.8	17.6%				
BVH	Tập đoàn Bảo Việt	Tài chính	35,817.1	27.0%				
CTG	VietinBank	Tài chính	209,429.7	27.0%				
FPT	FPT Corp	CNTT	179,240.9	41.6%	16	74,545.0	8.7	14,358,394.0
GAS	PV Gas	DV tiện ích	144,777.2	1.7%				
GVR	Tập đoàn CN Cao su VN	Nguyên vật liệu	110,800.0	0.8%				
HDB	HDBank	Tài chính	76,716.6	16.8%	5	23,270.0	1.4	3,688,199.0
HPG	Hòa Phát	Nguyên vật liệu	165,023.3	22.1%	23	186,620.0	17.3	32,110,600.0
MBB	MBBank	Tài chính	150,421.0	23.0%	14	173,740.0	49.9	42,005,592.0
MSN	Tập đoàn Masan	TD thiết yếu	89,897.0	24.9%	14	71,860.0	9.3	21,039,500.0
MWG	Thế giới di động	TD không thiết yếu	94,355.9	47.7%	15	279,940.0	21.3	23,921,350.0
SHB	Ngân hàng Sài Gòn	Tài chính	54,677.6	3.3%	7	42,830.0	12.4	11,131,926.0
SSB	Ngân hàng Đông Nam Á	Tài chính	54,055.0	0.2%	4	35,840.0	1.1	3,294,500.0
PLX	Petrolimex	Năng lượng	45,423.7	17.3%				
LPB	Ngân hàng Lạc Phát	Tài chính	109,035.8	0.8%				
SAB	SABECO	TD thiết yếu	64,769.4	59.2%				
SSI	Chứng khoán SSI	Tài chính	46,496.4	35.0%				
STB	Sacombank	Tài chính	75,031.6	20.7%	19	343,840.0	25.5	16,060,318.0
TCB	Techcombank	Tài chính	208,059.9	22.5%	9	33,260.0	21.5	12,277,032.0
TPB	Ngân hàng Tiên Phong	Tài chính	35,930.6	22.9%	4	70,880.0	0.9	1,705,400.0
VCB	Vietcombank	Tài chính	480,451.3	22.3%				
VHM	Vinhomes	Bất động sản	238,229.9	12.0%	15	180,170.0	23.5	7,939,000.0
VIB	VIBBank	Tài chính	54,518.0	5.0%	7	34,650.0	3.8	16,612,500.0
VIC	VinGroup	Bất động sản	305,892.9	7.7%	11	88,670.0	28.5	4,676,600.0
VJC	Vietjet Air	Công nghiệp	48,745.0	12.5%	3	35,330.0	0.9	2,461,400.0
VNM	VINAMILK	TD thiết yếu	117,455.5	48.7%	13	72,520.0	5.2	14,719,240.0
VPB	VPBank	Tài chính	143,207.3	24.6%	17	60,995.0	18.7	42,514,149.0
VRE	Vincom Retail	Bất động sản	55,671.8	19.5%	15	109,625.0	25.3	11,158,900.0

Nguồn: Bloomberg, FiinproX, KIS Research

Ghi chú: CW: Chứng quyền và TSCS: Tài sản cơ sở

Bảng 8. CW trên thị trường

(đồng, %)

Stt	Mã	CW			TSCS				% Premium	Số phiên còn lại	Ngày giao dịch cuối cùng
		Tỷ lệ chuyển đổi	Giá phát hành	Giá đóng cửa	TSCS	Giá thực hiện	Giá hòa vốn	Giá đóng cửa			
1	CACB2405	4.0000 : 1	1,000		ACB			25,450			12/05/2025
2	CMWG2408	6.0000 : 1	1,500		MWG			63,800			12/05/2025
3	CSHB2401	1.8027 : 1	1,000		SHB			13,450			12/05/2025
4	CSTB2411	4.0000 : 1	1,600		STB			39,800			12/05/2025
5	CTPB2403	2.7966 : 1	1,000		TPB			13,600			12/05/2025
6	CVIB2408	3.8474 : 1	1,000		VIB			18,300			12/05/2025
7	CHPG2402	2.7268 : 1	2,300	40	HPG	28,177	28,286	25,800	(8.3)	5	19/05/2025
8	CMBB2402	1.7003 : 1	2,000	2,500	MBB	20,403	24,654	24,650	0.1	5	19/05/2025
9	CMWG2401	3.9685 : 1	2,000	300	MWG	65,479	66,670	63,800	(4.2)	5	19/05/2025
10	CSTB2402	3.0000 : 1	1,800	3,320	STB	30,000	39,960	39,800	0.3	5	19/05/2025
11	CVIB2402	1.6444 : 1	2,000	40	VIB	19,732	19,798	18,300	(7.3)	5	19/05/2025
12	CVNM2401	7.4141 : 1	1,600	20	VNM	61,166	61,314	56,200	(8.0)	5	19/05/2025
13	CVPB2401	1.8488 : 1	1,300	80	VPB	19,412	19,560	18,050	(7.7)	5	19/05/2025
14	CACB2504	2.0000 : 1	1,500	60	ACB	26,000	26,120	25,450	(3.6)	10	22/05/2025
15	CFPT2504	10.0000 : 1	1,800	10	FPT	160,000	160,100	121,000	(23.4)	10	22/05/2025
16	CHPG2503	2.0000 : 1	1,800	70	HPG	27,000	27,140	25,800	(4.4)	10	22/05/2025
17	CMBB2502	1.7377 : 1	1,700	2,210	MBB	20,852	24,692	24,650	(0.1)	10	22/05/2025
18	CMSN2502	5.0000 : 1	1,900	10	MSN	73,000	73,050	62,500	(14.5)	10	22/05/2025
19	CMWG2502	5.0000 : 1	2,000	770	MWG	60,000	63,850	63,800	0.0	10	22/05/2025
20	CSTB2503	2.0000 : 1	2,400	2,420	STB	35,000	39,840	39,800	0.6	10	22/05/2025
21	CTCB2502	2.0000 : 1	1,700	2,760	TCB	24,000	29,520	29,450	0.3	10	22/05/2025
22	CVHM2501	5.0000 : 1	1,100	3,330	VHM	42,000	58,650	58,000	1.1	10	22/05/2025
23	CVIB2501	1.9237 : 1	1,100	20	VIB	19,237	19,275	18,300	(4.8)	10	22/05/2025
24	CVIC2501	5.0000 : 1	1,300	8,090	VIC	40,000	80,450	80,000	(0.8)	10	22/05/2025
25	CVNM2501	4.7916 : 1	1,700	10	VNM	62,290	62,338	56,200	(9.6)	10	22/05/2025
26	CVPB2503	1.9471 : 1	1,300	130	VPB	18,497	18,750	18,050	(3.7)	10	22/05/2025
27	CVRE2502	2.0000 : 1	1,200	3,760	VRE	17,000	24,520	24,500	0.5	10	22/05/2025
28	CHPG2501	3.0000 : 1	2,100	550	HPG	25,500	27,150	25,800	(4.5)	41	24/06/2025
29	CMSN2501	8.0000 : 1	1,800	100	MSN	72,000	72,800	62,500	(14.2)	41	24/06/2025
30	CMWG2501	5.0000 : 1	2,300	870	MWG	62,000	66,350	63,800	(3.7)	41	24/06/2025
31	CSHB2501	1.8027 : 1	1,200	1,920	SHB	9,915	13,376	13,450	(0.3)	41	24/06/2025
32	CSTB2501	3.0000 : 1	2,700	2,410	STB	33,500	40,730	39,800	(1.6)	41	24/06/2025
33	CVRE2501	3.0000 : 1	1,200	2,040	VRE	18,000	24,120	24,500	2.2	41	24/06/2025
34	CVNM2505	3.8632 : 1	1,460	170	VNM	65,482	66,139	56,200	(14.8)	45	26/06/2025
35	CACB2506	2.0000 : 1	1,060	390	ACB	27,400	28,180	25,450	(10.7)	45	26/06/2025
36	CFPT2506	8.0000 : 1	1,580	100	FPT	164,000	164,800	121,000	(25.6)	45	26/06/2025
37	CHDB2501	2.0000 : 1	1,170	180	HDB	24,800	25,160	21,950	(12.4)	45	26/06/2025
38	CHPG2507	2.0000 : 1	1,520	320	HPG	29,600	30,240	25,800	(14.2)	45	26/06/2025
39	CMBB2506	1.7377 : 1	1,010	1,390	MBB	23,025	25,440	24,650	(3.0)	45	26/06/2025
40	CMSN2504	4.0000 : 1	1,750	110	MSN	77,700	78,140	62,500	(20.1)	45	26/06/2025
41	CMWG2506	3.0000 : 1	1,730	660	MWG	66,900	68,880	63,800	(7.3)	45	26/06/2025
42	CSTB2506	2.0000 : 1	1,710	1,880	STB	38,100	41,860	39,800	(4.3)	45	26/06/2025
43	CTCB2505	2.0000 : 1	1,010	2,010	TCB	26,400	30,420	29,450	(2.7)	45	26/06/2025
44	CTPB2501	0.9322 : 1	1,600	200	TPB	16,500	16,686	13,600	(18.1)	45	26/06/2025
45	CVHM2504	2.0000 : 1	1,050	7,000	VHM	44,500	58,500	58,000	1.3	45	26/06/2025

46	CVIB2503	0.9619 : 1	2,030	620	VIB	20,391	20,987	18,300	(12.6)	45	26/06/2025
47	CVIC2503	3.0000 : 1	1,220	12,630	VIC	42,600	80,490	80,000	(0.8)	45	26/06/2025
48	CVJC2501	6.0000 : 1	1,520	110	VJC	106,100	106,760	90,000	(14.9)	45	26/06/2025
49	CVPB2505	0.9735 : 1	1,850	210	VPB	20,444	20,648	18,050	(12.6)	45	26/06/2025
50	CVRE2504	1.0000 : 1	1,530	6,640	VRE	17,900	24,540	24,500	0.4	45	26/06/2025
51	CFPT2407	24.8267 : 1	1,000	200	FPT	158,692	163,657	121,000	(25.1)	45	26/06/2025
52	CHPG2412	4.0000 : 1	1,000	70	HPG	31,333	31,613	25,800	(17.9)	45	26/06/2025
53	CMBB2409	4.3443 : 1	1,000	340	MBB	25,099	26,576	24,650	(7.2)	45	26/06/2025
54	CMSN2408	10.0000 : 1	1,000	60	MSN	85,678	86,278	62,500	(27.6)	45	26/06/2025
55	CMWG2410	10.0000 : 1	1,000	240	MWG	70,777	73,177	63,800	(12.7)	45	26/06/2025
56	CSHB2403	1.8027 : 1	1,000	1,290	SHB	11,116	13,441	13,450	(0.8)	45	26/06/2025
57	CSTB2413	4.0000 : 1	1,000	660	STB	39,679	42,319	39,800	(5.3)	45	26/06/2025
58	CTCB2406	5.0000 : 1	1,000	560	TCB	27,979	30,779	29,450	(3.8)	45	26/06/2025
59	CTPB2405	3.7288 : 1	1,000	50	TPB	17,711	17,897	13,600	(23.6)	45	26/06/2025
60	CVHM2411	5.0000 : 1	1,000	1,870	VHM	50,555	59,905	58,000	(1.0)	45	26/06/2025
61	CVIC2407	5.0000 : 1	1,000	6,170	VIC	48,999	79,849	80,000	(0.0)	45	26/06/2025
62	CVPB2412	1.9471 : 1	1,000	30	VPB	22,174	22,232	18,050	(18.8)	45	26/06/2025
63	CVRE2410	4.0000 : 1	1,000	820	VRE	21,888	25,168	24,500	(2.1)	45	26/06/2025
64	CHDB2502	4.0000 : 1	1,000	300	HDB	24,444	25,644	21,950	(14.1)	66	17/07/2025
65	CHPG2511	4.0000 : 1	1,000	240	HPG	28,888	29,848	25,800	(13.1)	66	17/07/2025
66	CMSN2505	10.0000 : 1	1,000	240	MSN	73,333	75,733	62,500	(17.6)	66	17/07/2025
67	CSHB2502	2.0000 : 1	1,000	870	SHB	12,399	14,139	13,450	(5.7)	66	17/07/2025
68	CSSB2501	4.0000 : 1	1,000	200	SSB	20,678	21,478	19,000	(11.6)	66	17/07/2025
69	CSTB2507	4.0000 : 1	1,000	810	STB	39,999	43,239	39,800	(7.3)	66	17/07/2025
70	CVHM2505	5.0000 : 1	1,000	2,100	VHM	49,999	60,499	58,000	(2.0)	66	17/07/2025
71	CVIC2504	5.0000 : 1	1,000	5,280	VIC	54,444	80,844	80,000	(1.2)	66	17/07/2025
72	CVJC2502	10.0000 : 1	1,000	390	VJC	99,999	103,899	90,000	(12.5)	66	17/07/2025
73	CVNM2506	7.7265 : 1	1,000	240	VNM	63,314	65,168	56,200	(13.5)	66	17/07/2025
74	CVPB2507	1.9471 : 1	1,000	510	VPB	20,119	21,112	18,050	(14.5)	66	17/07/2025
75	CVRE2506	4.0000 : 1	1,000	1,490	VRE	18,999	24,959	24,500	(1.2)	66	17/07/2025
76	CACB2501	3.0000 : 1	1,800	650	ACB	24,500	26,450	25,450	(4.8)	73	24/07/2025
77	CFPT2501	10.0000 : 1	2,500	190	FPT	160,000	161,900	121,000	(24.3)	73	24/07/2025
78	CMBB2501	2.6066 : 1	1,700	1,720	MBB	20,852	25,335	24,650	(2.6)	73	24/07/2025
79	CTCB2501	2.0000 : 1	2,500	2,920	TCB	24,000	29,840	29,450	(0.8)	73	24/07/2025
80	CACB2404	4.0000 : 1	1,300	450	ACB	25,000	26,800	25,450	(6.1)	73	24/07/2025
81	CFPT2402	3.9723 : 1	6,300	1,450	FPT	134,064	139,824	121,000	(12.3)	73	24/07/2025
82	CHPG2408	4.0000 : 1	1,200	350	HPG	27,000	28,400	25,800	(8.7)	73	24/07/2025
83	CMBB2405	3.4754 : 1	1,100	840	MBB	22,590	25,509	24,650	(3.3)	73	24/07/2025
84	CMSN2404	4.0000 : 1	3,800	180	MSN	79,000	79,720	62,500	(21.7)	73	24/07/2025
85	CMWG2406	4.0000 : 1	3,100	1,070	MWG	66,000	70,280	63,800	(9.1)	73	24/07/2025
86	CSTB2409	4.0000 : 1	1,600	1,300	STB	36,000	41,200	39,800	(2.7)	73	24/07/2025
87	CVHM2406	4.0000 : 1	2,000	2,610	VHM	50,000	60,440	58,000	(1.9)	73	24/07/2025
88	CVIB2406	3.8474 : 1	1,000	290	VIB	18,275	19,391	18,300	(5.4)	73	24/07/2025
89	CVIC2405	4.0000 : 1	2,100	9,540	VIC	43,000	81,160	80,000	(1.6)	73	24/07/2025
90	CVNM2406	3.8332 : 1	3,000	140	VNM	66,123	66,660	56,200	(15.4)	73	24/07/2025
91	CVPB2407	3.8942 : 1	1,000	100	VPB	20,444	20,833	18,050	(13.3)	73	24/07/2025
92	CVRE2406	4.0000 : 1	1,000	1,490	VRE	19,000	24,960	24,500	(1.2)	73	24/07/2025
93	CFPT2507	8.0000 : 1	3,400	360	FPT	155,000	157,880	121,000	(22.4)	81	01/08/2025

94	CHPG2509	3.0000 : 1	1,700	470	HPG	28,000	29,410	25,800	(11.8)	81	01/08/2025
95	CMBB2508	2.0000 : 1	2,200	1,380	MBB	23,000	25,760	24,650	(4.2)	81	01/08/2025
96	CFPT2405	9.9307 : 1	2,900	990	FPT	134,064	143,895	121,000	(14.8)	90	12/08/2025
97	CHPG2410	4.0000 : 1	1,300	540	HPG	28,000	30,160	25,800	(14.0)	90	12/08/2025
98	CTCB2404	5.0000 : 1	1,000	1,350	TCB	25,000	31,750	29,450	(6.7)	90	12/08/2025
99	CVHM2409	5.0000 : 1	1,500	3,510	VHM	42,000	59,550	58,000	(0.5)	90	12/08/2025
100	CVPB2410	2.9206 : 1	1,200	530	VPB	20,444	21,992	18,050	(17.9)	90	12/08/2025
101	CVRE2408	3.0000 : 1	1,100	1,730	VRE	20,000	25,190	24,500	(2.1)	90	12/08/2025
102	CHDB2503	4.0000 : 1	1,000	340	HDB	25,555	26,915	21,950	(18.1)	126	17/09/2025
103	CHPG2512	4.0000 : 1	1,000	390	HPG	29,888	31,448	25,800	(17.5)	126	17/09/2025
104	CMSN2506	10.0000 : 1	1,000	410	MSN	75,555	79,655	62,500	(21.6)	126	17/09/2025
105	CSHB2503	2.0000 : 1	1,000	1,030	SHB	12,799	14,859	13,450	(10.2)	126	17/09/2025
106	CSSB2502	4.0000 : 1	1,000	330	SSB	21,234	22,554	19,000	(15.8)	126	17/09/2025
107	CSTB2508	4.0000 : 1	1,000	1,180	STB	40,999	45,719	39,800	(12.3)	126	17/09/2025
108	CVHM2506	5.0000 : 1	1,000	2,860	VHM	51,111	65,411	58,000	(9.4)	126	17/09/2025
109	CVIC2505	5.0000 : 1	1,000	5,390	VIC	55,555	82,505	80,000	(3.2)	126	17/09/2025
110	CVJC2503	10.0000 : 1	1,000	460	VJC	109,999	114,599	90,000	(20.7)	126	17/09/2025
111	CVNM2507	7.7265 : 1	1,000	390	VNM	65,460	68,473	56,200	(17.7)	126	17/09/2025
112	CVPB2508	1.9471 : 1	1,000	520	VPB	21,093	22,105	18,050	(18.3)	126	17/09/2025
113	CVRE2507	4.0000 : 1	1,000	1,330	VRE	19,888	25,208	24,500	(2.2)	126	17/09/2025
114	CHPG2502	3.0000 : 1	2,000	520	HPG	27,500	29,060	25,800	(10.7)	133	24/09/2025
115	CSTB2502	3.0000 : 1	2,800	2,370	STB	35,500	42,610	39,800	(5.9)	133	24/09/2025
116	CVPB2506	1.9471 : 1	1,200	610	VPB	19,666	20,854	18,050	(13.4)	143	02/10/2025
117	CACB2505	3.0000 : 1	1,470	1,110	ACB	26,300	29,630	25,450	(15.1)	146	07/10/2025
118	CMWG2505	6.0000 : 1	1,720	1,750	MWG	61,000	71,500	63,800	(10.7)	146	07/10/2025
119	CSTB2505	3.0000 : 1	1,990	1,900	STB	40,000	45,700	39,800	(12.3)	146	07/10/2025
120	CVNM2504	5.7949 : 1	1,640	870	VNM	62,778	67,820	56,200	(16.9)	146	07/10/2025
121	CHPG2513	4.0000 : 1	1,000	410	HPG	30,888	32,528	25,800	(20.3)	157	16/10/2025
122	CMSN2507	10.0000 : 1	1,000	510	MSN	77,999	83,099	62,500	(24.9)	157	16/10/2025
123	CSTB2509	4.0000 : 1	1,000	980	STB	42,999	46,919	39,800	(14.6)	157	16/10/2025
124	CVHM2507	5.0000 : 1	1,000	2,120	VHM	53,333	63,933	58,000	(7.3)	157	16/10/2025
125	CVIC2506	5.0000 : 1	1,000	5,180	VIC	57,777	83,677	80,000	(4.6)	157	16/10/2025
126	CVRE2508	4.0000 : 1	1,000	1,420	VRE	20,888	26,568	24,500	(7.2)	157	16/10/2025
127	CHPG2508	2.0000 : 1	2,000	1,350	HPG	27,000	29,700	25,800	(12.7)	160	21/10/2025
128	CTCB2506	4.0000 : 1	1,100	1,740	TCB	25,000	31,960	29,450	(7.4)	160	21/10/2025
129	CVRE2505	2.0000 : 1	1,000	3,940	VRE	17,000	24,880	24,500	(0.9)	160	21/10/2025
130	CACB2503	2.0000 : 1	2,100	950	ACB	27,000	28,900	25,450	(12.9)	164	23/10/2025
131	CFPT2502	10.0000 : 1	2,400	310	FPT	170,000	173,100	121,000	(29.2)	164	23/10/2025
132	CHPG2504	2.0000 : 1	2,200	940	HPG	29,000	30,880	25,800	(16.0)	164	23/10/2025
133	CMBB2503	1.7377 : 1	1,900	2,290	MBB	22,590	26,569	24,650	(7.1)	164	23/10/2025
134	CMSN2503	5.0000 : 1	2,600	750	MSN	75,000	78,750	62,500	(20.7)	164	23/10/2025
135	CMWG2503	5.0000 : 1	2,400	1,820	MWG	63,000	72,100	63,800	(11.4)	164	23/10/2025
136	CSTB2504	2.0000 : 1	2,700	2,880	STB	38,000	43,760	39,800	(8.4)	164	23/10/2025
137	CTCB2503	2.0000 : 1	2,000	2,710	TCB	26,000	31,420	29,450	(5.8)	164	23/10/2025
138	CVHM2502	5.0000 : 1	1,300	3,200	VHM	45,000	61,000	58,000	(2.8)	164	23/10/2025
139	CVIB2502	1.9237 : 1	1,500	630	VIB	20,199	21,411	18,300	(14.3)	164	23/10/2025
140	CVIC2502	5.0000 : 1	1,300	7,460	VIC	45,000	82,300	80,000	(3.0)	164	23/10/2025
141	CVNM2502	4.7916 : 1	2,300	600	VNM	63,249	66,124	56,200	(14.7)	164	23/10/2025

142	CVPB2501	1.9471 : 1	1,600	790	VPB	19,471	21,009	18,050	(14.1)	164	23/10/2025
143	CVRE2503	2.0000 : 1	1,600	3,770	VRE	18,000	25,540	24,500	(3.5)	164	23/10/2025
144	CHPG2406	4.0000 : 1	1,300	560	HPG	28,000	30,240	25,800	(14.2)	165	24/10/2025
145	CFPT2404	14.8960 : 1	2,600	1,610	FPT	120,161	144,144	121,000	(15.0)	172	31/10/2025
146	CHPG2409	3.0000 : 1	2,300	1,350	HPG	25,000	29,050	25,800	(10.7)	172	31/10/2025
147	CMBB2407	1.7377 : 1	2,600	1,940	MBB	22,590	25,961	24,650	(5.0)	172	31/10/2025
148	CMSN2406	6.0000 : 1	2,700	430	MSN	79,000	81,580	62,500	(23.5)	172	31/10/2025
149	CMWG2407	6.0000 : 1	2,200	730	MWG	70,000	74,380	63,800	(14.1)	172	31/10/2025
150	CSTB2410	3.0000 : 1	2,200	1,500	STB	38,000	42,500	39,800	(5.7)	172	31/10/2025
151	CTCB2403	5.0000 : 1	1,200	1,030	TCB	26,000	31,150	29,450	(4.9)	172	31/10/2025
152	CVHM2408	4.0000 : 1	2,600	5,790	VHM	38,000	61,160	58,000	(3.1)	172	31/10/2025
153	CVIB2407	1.9237 : 1	2,400	1,360	VIB	17,313	19,929	18,300	(7.9)	172	31/10/2025
154	CVNM2407	5.7499 : 1	2,500	420	VNM	65,165	67,580	56,200	(16.6)	172	31/10/2025
155	CVPB2409	1.9471 : 1	1,800	530	VPB	21,418	22,450	18,050	(19.6)	172	31/10/2025
156	CVRE2407	2.0000 : 1	2,500	4,620	VRE	16,000	25,240	24,500	(2.3)	172	31/10/2025
157	CFPT2509	25.0000 : 1	1,000	910	FPT	139,999	162,749	121,000	(24.7)	187	17/11/2025
158	CHDB2504	4.0000 : 1	1,000	480	HDB	26,666	28,586	21,950	(22.9)	187	17/11/2025
159	CHPG2514	4.0000 : 1	1,000	520	HPG	31,666	33,746	25,800	(23.1)	187	17/11/2025
160	CMSN2508	10.0000 : 1	1,000	530	MSN	79,777	85,077	62,500	(26.6)	187	17/11/2025
161	CMWG2507	10.0000 : 1	1,000	830	MWG	66,666	74,966	63,800	(14.8)	187	17/11/2025
162	CSHB2504	2.0000 : 1	1,000	1,100	SHB	13,399	15,599	13,450	(14.5)	187	17/11/2025
163	CSSB2503	4.0000 : 1	1,000	410	SSB	22,345	23,985	19,000	(20.8)	187	17/11/2025
164	CSTB2510	4.0000 : 1	1,000	1,110	STB	43,999	48,439	39,800	(17.3)	187	17/11/2025
165	CVHM2508	5.0000 : 1	1,000	2,150	VHM	54,444	65,194	58,000	(9.1)	187	17/11/2025
166	CVIC2507	5.0000 : 1	1,000	5,190	VIC	58,888	84,838	80,000	(5.9)	187	17/11/2025
167	CVNM2508	7.7265 : 1	1,000	590	VNM	67,606	72,165	56,200	(21.9)	187	17/11/2025
168	CVPB2509	1.9471 : 1	1,100	760	VPB	22,066	23,546	18,050	(23.3)	187	17/11/2025
169	CVRE2509	4.0000 : 1	1,000	1,370	VRE	21,555	27,035	24,500	(8.8)	187	17/11/2025
170	CHPG2515	4.0000 : 1	1,000	500	HPG	32,222	34,222	25,800	(24.2)	217	17/12/2025
171	CMSN2509	10.0000 : 1	1,000	510	MSN	81,999	87,099	62,500	(28.3)	217	17/12/2025
172	CSTB2511	4.0000 : 1	1,000	1,160	STB	44,999	49,639	39,800	(19.3)	217	17/12/2025
173	CVHM2509	5.0000 : 1	1,000	2,090	VHM	56,666	67,116	58,000	(11.7)	217	17/12/2025
174	CVIC2508	5.0000 : 1	1,000	5,000	VIC	60,999	85,999	80,000	(7.2)	217	17/12/2025
175	CVRE2510	4.0000 : 1	1,000	1,340	VRE	22,111	27,471	24,500	(10.3)	217	17/12/2025
176	CFPT2505	10.0000 : 1	2,730	910	FPT	158,000	167,100	121,000	(26.7)	238	07/01/2026
177	CHPG2506	4.0000 : 1	1,220	910	HPG	27,800	31,440	25,800	(17.5)	238	07/01/2026
178	CTCB2504	6.0000 : 1	1,100	1,510	TCB	24,500	33,560	29,450	(11.8)	238	07/01/2026
179	CFPT2511	10.0000 : 1	2,400	1,890	FPT	124,000	142,900	121,000	(14.2)	241	08/01/2026
180	CMBB2509	2.0000 : 1	2,400	2,000	MBB	24,500	28,500	24,650	(13.4)	241	08/01/2026
181	CMSN2511	8.0000 : 1	1,700	1,410	MSN	59,000	70,280	62,500	(11.2)	241	08/01/2026
182	CMWG2509	8.0000 : 1	1,400	1,920	MWG	54,500	69,860	63,800	(8.6)	241	08/01/2026
183	CSTB2513	4.0000 : 1	2,000	1,690	STB	39,000	45,760	39,800	(12.4)	241	08/01/2026
184	CTPB2502	1.8644 : 1	1,400	1,420	TPB	13,051	15,698	13,600	(12.9)	241	08/01/2026
185	CVHM2510	4.0000 : 1	2,600	2,620	VHM	57,500	67,980	58,000	(12.8)	241	08/01/2026
186	CVIC2509	4.0000 : 1	3,000	5,160	VIC	68,000	88,640	80,000	(9.9)	241	08/01/2026
187	CVNM2510	7.7265 : 1	1,600	890	VNM	58,915	65,792	56,200	(14.3)	241	08/01/2026
188	CVPB2511	1.9471 : 1	2,000	1,510	VPB	18,011	20,951	18,050	(13.8)	241	08/01/2026
189	CFPT2508	8.0000 : 1	4,900	1,170	FPT	160,000	169,360	121,000	(27.6)	265	03/02/2026

190	CHPG2510	3.0000 : 1	2,400	1,030	HPG	29,000	32,090	25,800	(19.2)	265	03/02/2026
191	CMBB2507	2.0000 : 1	3,000	1,930	MBB	24,000	27,860	24,650	(11.5)	265	03/02/2026
192	CFPT2510	25.0000 : 1	1,000	1,060	FPT	153,999	180,499	121,000	(32.1)	283	19/02/2026
193	CHDB2505	4.0000 : 1	1,000	750	HDB	27,777	30,777	21,950	(28.4)	283	19/02/2026
194	CHPG2516	4.0000 : 1	1,000	610	HPG	33,111	35,551	25,800	(27.0)	283	19/02/2026
195	CMSN2510	10.0000 : 1	1,000	630	MSN	83,399	89,699	62,500	(30.4)	283	19/02/2026
196	CMWG2508	10.0000 : 1	1,000	850	MWG	72,999	81,499	63,800	(21.6)	283	19/02/2026
197	CShB2505	2.0000 : 1	1,000	1,360	SHB	13,799	16,519	13,450	(19.2)	283	19/02/2026
198	CSSB2504	4.0000 : 1	1,000	600	SSB	23,123	25,523	19,000	(25.6)	283	19/02/2026
199	CSTB2512	4.0000 : 1	1,100	1,230	STB	45,999	50,919	39,800	(21.3)	283	19/02/2026
200	CVNM2509	7.7265 : 1	1,000	720	VNM	69,537	75,100	56,200	(24.9)	283	19/02/2026
201	CVPB2510	1.9471 : 1	1,100	920	VPB	23,040	24,831	18,050	(27.3)	283	19/02/2026
202	CACB2502	2.0000 : 1	2,500	1,510	ACB	28,000	31,020	25,450	(18.9)	314	24/03/2026
203	CFPT2503	10.0000 : 1	2,800	670	FPT	180,000	186,700	121,000	(34.4)	314	24/03/2026
204	CHPG2505	2.0000 : 1	2,600	1,670	HPG	30,000	33,340	25,800	(22.2)	314	24/03/2026
205	CMBB2504	1.7377 : 1	2,300	2,830	MBB	23,459	28,377	24,650	(13.1)	314	24/03/2026
206	CMWG2504	5.0000 : 1	2,900	2,290	MWG	66,000	77,450	63,800	(17.5)	314	24/03/2026
207	CVNM2503	4.7916 : 1	2,600	1,140	VNM	66,123	71,585	56,200	(21.2)	314	24/03/2026
208	CVPB2502	1.9471 : 1	1,900	1,090	VPB	20,444	22,566	18,050	(20.0)	314	24/03/2026
209	CMBB2505	3.0000 : 1	1,540	1,920	MBB	22,800	28,560	24,650	(13.6)	328	07/04/2026
210	CVHM2503	7.0000 : 1	1,480	3,140	VHM	42,000	63,980	58,000	(7.3)	328	07/04/2026
211	CVPB2504	2.9206 : 1	1,460	1,170	VPB	19,471	22,888	18,050	(21.1)	328	07/04/2026
212	CFPT2512	10.0000 : 1	2,800	2,060	FPT	126,000	146,600	121,000	(16.4)	332	09/04/2026
213	CHPG2517	2.0000 : 1	3,000	2,530	HPG	25,500	30,560	25,800	(15.1)	332	09/04/2026
214	CMBB2510	2.0000 : 1	2,800	2,400	MBB	24,500	29,300	24,650	(15.8)	332	09/04/2026
215	CMWG2510	8.0000 : 1	1,600	2,200	MWG	55,000	72,600	63,800	(12.0)	332	09/04/2026
216	CSTB2514	4.0000 : 1	2,200	1,990	STB	39,500	47,460	39,800	(15.5)	332	09/04/2026
217	CVHM2511	4.0000 : 1	3,000	3,000	VHM	58,000	70,000	58,000	(15.3)	332	09/04/2026
218	CVPB2512	1.9471 : 1	2,200	1,670	VPB	18,497	21,749	18,050	(17.0)	332	09/04/2026
219	CVRE2511	2.0000 : 1	2,300	2,800	VRE	21,500	27,100	24,500	(9.0)	332	09/04/2026

Nguồn: Bloomberg, FiinproX, KIS Research

CW: Chứng quyền, Sắp xếp theo Ngày giao dịch cuối cùng

Miễn Trừ Trách Nhiệm

Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của KIS Vietnam Securities Corp., công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS Vietnam Securities Corp..

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. KIS Vietnam Securities Corp. không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. KIS Vietnam Securities Corp., hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của KIS Vietnam Securities Corp.. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2025 của KIS Vietnam Securities Corp.. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS Vietnam Securities Corp..